

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **241/2021/HS-ST**

Ngày: 17-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Lương Anh;

Bà Nguyễn Thị Phương Thủy.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hoàng Anh - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 237/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tôn Thất N**, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1999; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi cư trú: 82 đường H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: thợ sơn; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tôn Thất Q, sinh năm 1969 và bà Lê Thị T, sinh năm 1971; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2021; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. *(có mặt)*

- *Bị hại:* Chị Quách Thị L, sinh năm 2002, trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. *(vắng mặt)*

- *Người có quyền lợi và NI vụ liên quan đến vụ án:* ông Tôn Thất Q, sinh năm: 1969, nơi trú tại: 82 đường H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(có mặt)*

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Cil N1; *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 03/6/2021, Tôn Thất N điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, màu đen biển số 49V8 - 03... (mượn của bố là ông Tôn Thất Q) từ nhà đến đường A, Phường A, thành phố Đ. Khi đến trước quán bún bò T, địa chỉ 36 đường A,

Phường A, thành phố Đ, N phát hiện chị Quách Thị L đang ngồi ăn bún và để một chiếc túi xách màu đen trên mặt bàn sát ngoài đường nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt túi xách trên để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, N điều khiển xe mô tô nói trên áp sát phía bên phải chiếc bàn chị L đang ngồi rồi dùng tay trái giật chiếc túi xách của chị L và nhanh chóng tăng ga tẩu thoát. Sau khi lấy được túi xách, N điều khiển xe mô tô đến khu vực công viên B tại Phường K, thành phố Đ mở túi xách ra kiểm tra thì thấy bên trong túi xách có số tiền 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng, 03 cây son môi, 01 hộp phấn, 01 cây kẻ mắt và 01 hộp kem dưỡng da không rõ nhãn hiệu. N cất số tiền 40.000 đồng vào túi quần rồi vứt chiếc túi xách cùng các vật dụng trang điểm của chị L ở khu vực lề đường dân sinh gần công viên nên cơ quan điều tra không thu hồi được tang vật nói trên. Đến chiều ngày 03/6/2021, Công an Phường A, thành phố Đ triệu tập N đến trụ sở làm việc, N đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình thực hiện nêu trên.

Tang vật thu giữ:

- 40.000 đồng tiền Việt Nam;
- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter màu đen bạc biển số: 49V8 – 03...;
- 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0038... do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 28/8/2006;
- 01 thẻ nhớ màu đen hiệu Micro SD chứa đoạn video ghi lại hành vi phạm tội của Tôn Thất N.

Bị hại: Chị Quách Thị L bị chiếm đoạt 01 túi xách bên trong có số tiền 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng, 03 cây son môi, 01 hộp phấn, 01 cây kẻ mắt và 01 hộp kem dưỡng da không rõ nhãn hiệu. Theo Kết luận định giá tài sản số 138/KL-ĐG ngày 14/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc túi xách, 03 cây son môi, 01 hộp phấn, 01 cây kẻ mắt và 01 hộp kem dưỡng da không rõ nhãn hiệu không còn giá trị sử dụng. Chị L thống nhất với kết luận định giá tài sản nói trên. Gia đình bị cáo N đã tự nguyện bồi thường cho chị L số tiền 1.000.000 đồng, chị L có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Trong vụ án này, có ông Tôn Thất Q là người đã cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter màu đen bạc biển số: 49V8 - 03.... Quá trình điều tra xác định, khi bị cáo mượn xe, ông Q không biết bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên không có cơ sở xử lý đối với ông Q. Ông Q đã nhận lại chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe trên và không yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 235/CT-VKS ngày 29/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Tôn Thất N về tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện cụ thể như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo thống nhất và không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Sau khi bị cáo bị tạm giam, bị cáo có nhờ bố mẹ bồi thường cho bị hại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tôn Thất Q thống nhất lời khai của bị cáo. Ông Q xác định hàng ngày bị cáo đều mượn xe của ông để làm phương tiện đi lại, bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội trên thì ông không biết. Ông Q đã nhận lại chiếc xe và giấy đăng ký xe, không có yêu cầu gì thêm. Ông Q xác định sau khi bị cáo phạm tội thì bị cáo có nhờ bố mẹ đã bồi thường cho chị L số tiền 1.000.000 đồng. Vợ chồng ông cũng không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo và giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tôn Thất N phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Tôn Thất N 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Về xử lý vật chứng: Do bị cáo đã tác động gia đình đã bồi thường xong cho bị hại nên đề nghị trả lại cho bị cáo số tiền 40.000 đồng đã thu giữ. Lưu hồ sơ vụ án 01 thẻ nhớ màu đen hiệu Micro SD chứa đoạn video ghi lại hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo, ông Q không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải, xin lỗi bị hại, xin lỗi gia đình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về gia đình, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo cam đoan không tái phạm và vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng anh N1 vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Vì mục đích tư lợi cá nhân, khoảng 14 giờ ngày 03/6/2021, bị cáo Tôn Thất N đã sử dụng xe mô tô là thủ đoạn nguy hiểm một mình chạy đến trước quán bún bò Tuyết, địa chỉ đường A, Phường A, thành phố Đ, bị cáo N điều khiển xe áp sát phía bên phải chiếc bàn mà chị Quách Thị L đang ngồi rồi dùng tay trái giật chiếc túi xách của chị L đang để trên

mặt bàn bên trong túi xách có số tiền 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng, 03 cây son môi, 01 hộp phấn, 01 cây kẻ mắt và 01 hộp kem dưỡng da không rõ nhãn hiệu rồi nhanh chóng tăng ga tẩu thoát. Theo Kết luận định giá tài sản số 138/KL-ĐG ngày 14/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc túi xách, 03 cây son môi, 01 hộp phấn, 01 cây kẻ mắt và 01 hộp kem dưỡng da không rõ nhãn hiệu không còn giá trị sử dụng nên tổng giá trị tài sản mà bị cáo N chiếm đoạt của chị L là 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng. Hành vi của bị cáo N thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Xét thấy bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật hình sự nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện. Việc bị cáo bị phát hiện là ngoài ý muốn của bị cáo. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, xét thấy, hành vi bị cáo thực hiện giật chiếc túi xách để trên bàn không gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của bị hại, tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa sai lầm, cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Trong vụ án này có ông Tôn Thất Q là người đã cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter màu đen bạc biển số 49V8 - 03.... Quá trình điều tra xác định, khi bị cáo mượn xe, ông Q không biết bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông Q là đúng quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị L đã nhận số tiền bồi thường 1.000.000 đồng từ gia đình bị cáo, không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không đề cập xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét thấy:

- Số tiền 40.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo là số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại, bị cáo đã tác động gia đình đã bồi thường xong cho bị hại nên trả lại số tiền 40.000 đồng này cho bị cáo.

- 01 thẻ nhớ màu đen hiệu Micro SD chứa đoạn video ghi lại hành vi phạm tội của bị cáo Tôn Thất N nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Tôn Thất N phạm tội "*Cướp giật tài sản*".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Tôn Thất N 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Tôn Thất N cho Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm N1 vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Tôn Thất N ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 thẻ nhớ màu đen hiệu Micro SD chứa đoạn video ghi lại hành vi phạm tội của bị cáo Tôn Thất N được đựng trong một phong bì niêm phong có chữ ký niêm phong Lê Duy; thiếu tá Nguyễn Thị Hồng Nhung và dấu đỏ của Công an thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng (Bút lục 45c)

- Trả lại cho bị cáo Tôn Thất N số tiền 40.000 (bốn mươi nghìn) đồng mà cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo (Theo Giấy nộp tiền ngày 02/11/2021 của Công an thành phố Đà Lạt tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng vào tài khoản số 3949.0.1078623.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt mở tại kho bạc tỉnh Lâm Đồng).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Tôn Thất N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Q có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên